

Số: 2355/QĐ - BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu bến cảng biển Dung Quất II, khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2020**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
Số:.....  
Ngày 7 tháng 8 năm 2014

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (Nhóm 3) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 6790/BGTVT-KHĐT ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc Tham gia ý kiến đối với Nhiệm vụ quy hoạch lập Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Dung Quất II, tỉnh Quảng Ngãi;

Trên cơ sở Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 12/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu bến cảng Dung Quất II thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu bến cảng Dung Quất II đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 kèm theo hồ sơ Quy hoạch; báo cáo của cơ quan tư vấn thẩm tra quy hoạch; ý kiến các cơ quan liên quan và báo cáo thẩm định số 950/KHĐT ngày 01/8/2014 của Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ GTVT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu bến cảng biển Dung Quất II giai đoạn đến 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

## 1. Phạm vi quy hoạch

Phạm vi quy hoạch khu bên Cảng Dung Quất II có diện tích 1850,2ha (bao gồm cả khu đất và khu nước):

- Phía Tây, Tây Bắc giáp khu vực cây xanh cách ly với đô thị mới Vạn Tường;
- Phía Tây, Tây Nam giáp hậu cần cảng và một phần khu công nghiệp Dung Quất II;
- Phía Nam giáp khu đô thị Sa Kỳ (theo quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất);
- Phía Đông giáp biển Đông.

(Kèm theo bản vẽ mặt bằng quy hoạch QH-01, hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu bến cảng Dung Quất II do Liên danh Tư vấn Nikken Sekkei Civil Engineering., Ltd và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng – Đường thủy lập tháng 6/2014).

## 2. Chức năng và nhiệm vụ

Là khu bến chuyên dùng phục vụ các nhà máy công nghiệp phía sau cảng:

- Có bến chuyên dùng chung cho các nhà máy công nghiệp phía sau (không tiếp giáp với biển);
- Có bến cảng tổng hợp phục vụ bốc xếp hàng hóa cho địa phương và các vùng lân cận.

## 3. Các chỉ tiêu quy hoạch

### 3.1. Chỉ tiêu về lượng hàng:

Trên cơ sở quy hoạch Khu công nghiệp Dung Quất II, các Khu công nghiệp phụ cận, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và vùng lân cận, dự kiến năng lực thông qua khu bến cảng Dung Quất II cho từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đến năm 2020: 4,0 triệu tấn/năm;
- Giai đoạn đến năm 2025: 37,0 triệu tấn/năm;
- Giai đoạn đến năm 2030: 56,3 triệu tấn/năm;
- Giai đoạn hoàn chỉnh sau năm 2030: 99,3 triệu tấn/năm.

### 3.2. Chỉ tiêu về đội tàu:

- Tàu hàng tổng hợp: tiếp nhận cỡ tàu đến 50.000 DWT;
- Tàu hàng rời: tiếp nhận cỡ tàu đến 200.000 DWT;
- Tàu container: tiếp nhận cỡ tàu đến 80.000 DWT (trương đương với tàu khoảng 6.000 TEU);
- Tàu hàng lỏng: tiếp nhận cỡ tàu đến 300.000 DWT.

### 3.3. Nhu cầu sử dụng đất:

Tổng diện tích đất quy hoạch là 1850,2 ha, trong đó, phạm vi quy hoạch vùng đất là 909,4 ha; phạm vi quy hoạch vùng nước là 940,8 ha.

## 4. Tổ chức không gian

### 4.1. Các giai đoạn phát triển

\* **Giai đoạn 1 (giai đoạn đến năm 2020):** Phát triển cảng bắt đầu từ phía Nam (từ mũi Ba Làng An). Quy hoạch cảng, luồng tàu, đê chắn sóng như sau:

- Bến cập tàu:
  - + 01 bến cho tàu hàng rời trọng tải đến 200.000 DWT, chiều dài 450 m;
  - + 03 bến cho tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT, tổng chiều dài 850 m;
  - + Cao trình mặt bến là +4,0 m hệ Hải đồ;
- Đê chắn sóng: dài 2.050 m, cao trình đỉnh đê +9,0 m hệ Hải đồ;

- Luồng tàu vào cảng: Bề rộng 300 m, cao trình đáy luồng là -20,5 m (hệ Hải đồ) được quy hoạch phù hợp với tuyến luồng của giai đoạn hoàn chỉnh.

\* **Giai đoạn 2 (giai đoạn đến năm 2025):** Tiếp tục phát triển cảng về phía Bắc. Quy hoạch cảng, luồng tàu, đê chắn sóng như sau:

- Bến cập tàu: ngoài các bến của giai đoạn 1, phát triển thêm các bến sau:
  - + 02 bến cho tàu hàng rời có trọng tải đến 50.000 DWT, chiều dài 600 m;
  - + 02 bến cho tàu tổng hợp trọng tải đến 10.000 DWT, tổng chiều dài 550 m;
  - + 01 bến nhập dầu thô, cho tàu trọng tải đến 300.000 DWT và 08 bến xuất các sản phẩm dầu, khí cho tàu có trọng tải đến 30.000 DWT;
- + Cao trình mặt bến là +4,0 m hệ Hải đồ;
- Đê chắn sóng dài 4.000 m;
- Luồng tàu vào cảng: Bề rộng 300 m, cao trình đáy luồng là -22,5 m hệ Hải đồ.

\* **Giai đoạn 3 (giai đoạn đến năm 2030):** Quy hoạch cảng, luồng tàu, đê chắn sóng như sau:

- Bến cập tàu: ngoài các bến của các giai đoạn trước, phát triển thêm các bến sau:
  - + 01 bến cho tàu hàng tổng hợp cho tàu có trọng tải đến 50.000 DWT, chiều dài 450 m;
  - + Khu bến tổng hợp dùng chung bao gồm: 02 bến cho tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT, 04 bến cho tàu container có trọng tải từ 30.000 đến 80.000 DWT, tổng chiều dài 1.700 m.
  - + Khu bến neo đậu tàu công vụ của cảng dài 200 m.
  - + Cao trình mặt bến là +4,0 m hệ Hải đồ
- Đê chắn sóng dài 4000 m
- Luồng tàu vào cảng: Bề rộng 300 m, cao trình đáy luồng là -22,5 m hệ Hải đồ.

\* **Giai đoạn 4 (giai đoạn hoàn chỉnh sau năm 2030):** Quy hoạch cảng, luồng tàu, đê chắn sóng như sau:

- Bến cập tàu: ngoài các bến của các giai đoạn trước, phát triển thêm các bến sau:
  - + 11 bến cho tàu hàng tổng hợp trọng tải từ 10.000÷50.000 DWT, chiều dài 2510 m.
  - + 04 bến cho tàu hàng rời trọng tải từ 10.000÷200.000 DWT, tổng chiều dài tuyến bến là 1707 m.
  - + Cao trình mặt bến là +4,0 m (hệ Hải đồ)
- Đê chắn sóng dài 5350 m
- Luồng tàu vào cảng: Bề rộng 300 m, cao trình đáy luồng là -22,5 m hệ Hải đồ.

#### **4.2. Phân khu chức năng:**

- Khu bến hàng khí, lỏng: gồm 01 bến nhập đáp ứng cho cỡ tàu trọng tải đến 300.000 DWT và 08 bến xuất đáp ứng cho cỡ tàu trọng tải đến 30.000 DWT.
- Khu bến hàng chuyên dụng công nghiệp: gồm 24 bến, đáp ứng cho cỡ tàu hàng rời trọng tải đến 200.000 DWT và tàu hàng tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT.
- Khu bến cảng tổng hợp dùng chung: có 06 bến với tổng chiều dài tuyến bến là 1700 m, trong đó, gồm 02 bến đáp ứng cho cỡ tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT và 04 bến container đáp ứng cho cỡ tàu trọng tải đến 80.000 DWT.
- Các khu chức năng khác gồm có:
  - + Khu đất hậu phương cảng tổng hợp dùng chung: 160 ha bao gồm kho, bãi, đường giao thông, khu cơ quan quản lý và dịch vụ cảng, 220 m bến cho tàu công vụ, hạ tầng kỹ thuật.

+ Khu nước, luồng tàu và công trình bảo vệ: 940,8 ha.

#### **4.3. Quy hoạch tuyến bến:**

- Tuyến bến của từng khu bến đảm bảo yêu cầu khai thác thuận lợi, an toàn cầu cảng, đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành chung của toàn bộ cảng.

- Vị trí cụ thể các bến sẽ được xác định cụ thể bởi các cơ quan chuyên ngành trong quá trình thực hiện quy hoạch.

### **5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

#### **5.1. Quy hoạch giao thông:**

- Giao thông đường bộ

+ Đường nối khu bến cảng: tuyến đường bộ chính kết nối với khu bến cảng Dung Quất II gồm hai tuyến: tuyến thứ nhất là tuyến đường phía Tây đi qua khu công nghiệp Dung Quất II nối với quốc lộ 1A và tuyến thứ hai là tuyến đường phía Bắc nối với khu cảng Dung Quất I.

+ Đường nội bộ trong khu cảng tổng hợp dùng chung: phù hợp với công nghệ bốc xếp trong cảng, đảm bảo giao thông thuận tiện, thông suốt.

- Giao thông đường sắt: xây dựng một ga lập tàu tại vị trí cổng cảng Dung Quất II, kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia tại ga tổng hợp dự kiến xây dựng ở xã Tịnh Thọ (Theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025).

#### **5.2. Quy hoạch luồng tàu và khu quay trở:**

- Luồng tàu: rộng 300m, 1 làn (cho tàu có trọng tải đến từ 50.000 ÷ 300.000 DWT) và 02 làn (cho tàu trọng tải dưới 50.000 DWT).

- Khu quay trở tàu: gồm 02 khu, mỗi khu đường kính D=600m.

#### **5.3. Quy hoạch san nền:**

- Cao độ đỉnh bến +4,0m hệ Hải đồ; cao độ của hệ thống đường bãi trong khu bến cảng được quy hoạch dựa trên cơ sở của cao độ đỉnh bến và quy hoạch chung của Khu công nghiệp Dung Quất II.

- Diện tích san nền là 909,4ha. Khối lượng đắp khoảng 29,6 triệu m<sup>3</sup>, khối lượng đào khoảng 27,2 triệu m<sup>3</sup>.

#### **5.4. Quy hoạch cấp điện:**

- Chỉ tiêu cấp điện đối với cảng và khu công nghiệp là 350KW/ha. Tổng công suất tiêu thụ điện là 273.925KW.

- Nguồn điện: sẽ được lấy từ trạm biến áp 220/110KV của Khu công nghiệp Dung Quất II hoặc từ Nhà máy nhiệt điện trong khu cảng (nếu có).

#### **5.5. Quy hoạch cấp, thoát nước:**

- Nguồn nước sạch sẽ được lấy từ khu công nghiệp Dung Quất II bằng các tuyến ống có đường kính  $\Phi$ 300 đến  $\Phi$ 700mm đặt dọc theo trục đường chính.

- Tổng nhu cầu tiêu thụ nước của toàn khu cảng là 27.282m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Hệ thống thoát nước thải đảm bảo đáp ứng nhu cầu thoát nước chung, nước thải phải được xử lý theo quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường.

#### **5.6. Các hạng mục công trình phụ trợ khác:**

Các hạng mục công trình phụ trợ khác như: khu điều hành, dịch vụ cảng, hệ thống kho, bãi hàng, bãi đậu xe, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thông tin liên lạc trong khu cảng tổng hợp dùng chung được quy hoạch đáp ứng nhu cầu hoạt động

khai thác của khu bến cảng, theo hướng hiện đại. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, môi trường cần được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

## 6. Khái toán kinh phí đầu tư theo quy hoạch

Khái toán kinh phí thực hiện quy hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Hạng mục	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Giai đoạn 4
1	Bến cập tàu	1.966.575.000	1.885.590.000	1.851.330.000	5.328.765.000
2	Thiết bị	710.000.000	920.000.000	910.000.000	2.390.000.000
3	Nạo vét và tôn tạo	1.804.135.100	902.067.600	704.436.400	2.214.343.100
4	Đường bãi	725.455.600	1.058.480.000	1.584.000.000	1.055.734.900
5	Kè bờ	664.950.000	297.600.000	1.153.200.000	840.720.000
6	Đê chắn sóng	9.011.800.000	8.624.850.000	-	5.911.650.000
7	Công trình kiến trúc và Mạng kỹ thuật	50.000.000	-	1.116.533.952	-
8	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.932.915.700</b>	<b>13.688.587.600</b>	<b>7.319.500.352</b>	<b>17.741.213.000</b>

- Nguồn vốn: Sử dụng chủ yếu nguồn vốn tự huy động của Chủ đầu tư khu công nghiệp Dung Quất II, vốn huy động của các nhà đầu tư tham gia đầu tư tại khu công nghiệp và khu bến Cảng Dung Quất II; Vấn đề hỗ trợ một phần kinh phí của Nhà nước bằng các chính sách ưu đãi về thuế và tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành.

### Điều 2. Tổ chức quản lý, thực hiện quy hoạch

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối kết hợp trong quá trình quản lý, thực hiện quy hoạch khu bến cảng Dung Quất II theo đúng mục tiêu quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc phát triển của ngành và địa phương, phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc...) tới khu bến cảng; chỉ đạo các đơn vị hoàn chỉnh các nội dung quy hoạch theo kết quả thẩm định và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai tổ chức thực hiện quy hoạch khu bến cảng Dung Quất II theo đúng quy định.

### 3. Quản lý quy hoạch chuyên ngành

- Bộ Giao thông vận tải quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết khu bến cảng. Trường hợp có nhu cầu thực tế đòi hỏi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ xem xét, bổ sung, điều chỉnh theo thẩm quyền.

- Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm cập nhật nội dung quy hoạch phát triển khu bến cảng Dung Quất II vào quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển số 3; rà soát kỹ cơ sở pháp lý, điều kiện thực tế để thỏa thuận cụ thể các bến thuộc quy hoạch của khu bến cảng phù hợp với quy hoạch chung; hướng dẫn đơn vị đầu tư xây dựng, khai thác cảng thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo an toàn hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; thực hiện trách nhiệm quản lý chuyên ngành hàng hải tại khu bến cảng biển Dung Quất II.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ GTVT, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Trưởng ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, CA, QP, XD, CT, NN&PTNT, TN&MT;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu VT, KHĐT (05);

